TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 206A/2018/HNGĐ-ST
Ngày 20 - 8 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Thái Hoàng Đắc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Văn Công Trọn
Ông Hồ Quang Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Nga Muội – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau.

Ngày 20 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 521/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 333/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Hồng N - sinh năm 2000 (có mặt).
Trú tại: khóm 4, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau

- *Bị đơn*: Anh Lê Chí H - sinh năm 1995 (xin vắng mặt).
Trú tại: ấp Tân L, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09-7-2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Hồng N trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2016, chị N và anh H tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi. Anh H không quan tâm, chăm sóc vợ con, thậm chí đánh chị N. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không thể đoàn tụ nên chị N yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với anh H.

Về nuôi con chung: Chị N và anh H có 01 người con chung Trần Triều L, sinh ngày 21/4/2017, đang sống với chị N. Do anh chị không có đăng ký kết hôn nên khi làm giấy khai sinh cho con lấy họ mẹ. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được nuôi con và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về chia tài sản, nợ chung: Chị N tự thỏa thuận với anh H, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 07-8-2018, bị đơn anh Lê Chí H trình bày:

Về hôn nhân: Thời gian chung sống, điều kiện kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn đúng như chị N trình bày. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, chị N yêu cầu ly hôn, anh H đồng ý.

Về nuôi con chung: Anh H đồng ý giao con chung Trần Triều L, sinh ngày 21/4/2017 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 695.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về chia tài sản, nợ chung: Anh H và chị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh H yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Anh H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[2] *Về hôn nhân*: Năm 2016, chị Trần Hồng N và anh Lê Chí H tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Căn cứ vào khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình quy định *"Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý"*. Vậy, hôn nhân giữa chị N và anh H đã vi phạm về mặt hình thức.

Mặt khác, chị N và anh H thống nhất yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng do cuộc sống hôn nhân có nhiều mâu thuẫn, không hợp nhau. Xét mục đích hôn nhân giữa chị N và anh H không đạt được và không có giá trị pháp lý nên không được pháp luật công nhận anh chị là vợ chồng.

[3] *Về nuôi con chung:* Anh H và chị N thỏa thuận, giao con chung Trần Triều L, sinh ngày 21/4/2017cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 695.000 đồng, liên tục hàng tháng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Xét sự tự nguyện thỏa thuận giữa các đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật nên được ghi nhận.

Anh H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] *Về chia tài sản và nợ chung*: Anh H và chị N thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] *Về án phí*: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 143, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Hồng N và anh Lê Chí H.

2. Về nuôi con chung:

2.1 Giao con chung Trần Triều L, sinh ngày 21/4/2017 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2 Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 695.000 đồng, liên tục hàng tháng cho đến khi cháu Lam đủ 18 tuổi, thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án.

Kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng phải chịu lãi suất chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về chia tài sản và nợ chung: Anh H và chị N thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ngày 20-7-2018, chị N đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008448 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy đinh tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Phòng KT-NV và THA TAND tỉnh Cà Mau (Gửi email);
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Hoàng Đắc